

Số: 582 /TB-ĐHNLBG

Bắc Giang, ngày 03 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO
của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2018

Kính gửi: Các ứng viên tham gia dự tuyển viên chức năm 2018
Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo:

Kết quả thi tuyển dụng viên chức năm 2018 đã được đăng tải trên Website của nhà trường và gửi vào hòm thư điện tử của các đơn vị.

Ứng viên có yêu cầu chấm phúc khảo gửi đơn đề nghị chấm phúc khảo và lệ phí về Hội đồng tuyển dụng viên chức (qua phòng Tổ chức cán bộ) trước 17 giờ 00' ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với môn thi thực hành.

Lệ phí phúc khảo: 100.000 đồng/môn.

Nơi nhận:

- Website Trường;
- HĐTD;
- Lưu: HĐTD, VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
HIỆU TRƯỞNG**



PC8.TS. Nguyễn Quang Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC



KẾT QUẢ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Trình độ	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng điểm
		Nam	Nữ				Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	CM nghiệp vụ chuyên ngành	Thực hành chuyên môn NV	
I	GIẢNG VIÊN											
1.1	Khoa Nông học											
1	Dương Văn Quân	29/8/93		Giảng viên	ThS	Phổ Yên, Thái Nguyên	71.0	74.0	61.0	70.0	74.0	289.0
2	Nguyễn Thị Vân		20/6/90	Giảng viên	ThS	Yên Phong, Bắc Ninh	59.0	Miễn	65.0	65.0	81.0	286.0
1.2	Khoa Công nghệ thực phẩm											
3	Nguyễn Đà Giang		21/4/86	Giảng viên	ThS	Thuận Thành, Bắc Ninh	62.0	54.0	50.0	51.0	72.7	258.4
4	Vũ Quyết Thắng	03/12/95		Giảng viên	ĐH	Gia Lâm, Hà Nội	Bỏ thi					
1.3	Khoa Khoa học cơ bản											
5	Phùng Thị Kiến An		24/02/86	Giảng viên	ThS	Tân Yên, Bắc Giang	64.0	63.0	52.0	60.0	67.7	259.3
6	Ngô Quang Bình	28/12/85		Giảng viên	ThS	Lạng Giang, Bắc Giang	70.0	54.0	64.0	61.5	62.3	256.2
1.4	Khoa Lý luận Chính trị											
7	Nguyễn Thu Thủy		23/01/88	Giảng viên	ThS	Việt Yên, Bắc Giang	70.0	70.0	67.0	78.0	80.0	308.0
1.5	Khoa Chăn nuôi - Thú y											
8	Vũ Thị Hoài Thu		17/10/88	Giảng viên	ThS	Kim Sơn, Ninh Bình	67.0	68.0	62.0	79.0	80.8	307.7
9	Trần Thị Trinh		23/01/95	Giảng viên	ĐH	Đức Thọ, Hà Tĩnh	53.0	70.0	65.0	70.5	72.7	268.8
1.6	Khoa Tài nguyên và Môi trường											
10	Đặng Thu Huyền		03/10/95	Giảng viên	ĐH	Yên Dũng, Bắc Giang	50.0	78.0	69.0	90.0	76.0	292.0
11	Phạm Thị Trang		25/11/92	Giảng viên	ĐH	Đông Hưng, Thái Bình	61.0	Miễn	70.0	81.0	72.0	286.0
1.7	TT Ngoại ngữ, Tin học											
12	Nguyễn Thị Thúy Hằng		02/9/93	Giảng viên	ĐH	Nghi Lộc, Nghệ An	60.0	Miễn	54.0	51.0	58.3	227.6

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Trình độ	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng điểm
		Nam	Nữ				Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	CM nghiệp vụ chuyên ngành	Thực hành chuyên môn NV	
II	CHUYÊN VIÊN											
2.1	Khoa Khoa học cơ bản											
13	Bùi Thanh Phú	06/12/93		Chuyên viên	ĐH	Yên Thế, Bắc Giang	59.0	67.0	56.0	66.0	78.0	281.0
2.2	Khoa Tài nguyên và Môi trường											
14	Bùi Thị Thơm		17/6/90	Chuyên viên	ĐH	Chương Mỹ, Hà Nội	54.0	68.0	56.0	86.5	89.0	318.5
2.3	Phòng Thiết bị và Đầu tư											
15	Phạm Thị Huyền Trang		23/3/89	Chuyên viên	ĐH	Lương Tài, Bắc Ninh	61.0	77.0	77.0	79.0	82.0	304.0
2.4	Phòng Chính trị - Quản lý sinh viên											
16	Nguyễn Văn Cường	17/9/89		Chuyên viên	ThS	Việt Yên, Bắc Giang	75.0	69.0	64.0	74.0	73.0	295.0
17	Vũ Hải Dương	07/4/90		Chuyên viên	ĐH	Việt Yên, Bắc Giang	72.0	63.0	92.0	75.0	70.5	288.0
18	Dương Ngọc Mai		15/10/85	Chuyên viên	ThS	Việt Yên, Bắc Giang	62.0	66.0	44.0	60.0	50.0	222.0
19	Nguyễn Văn Mạnh	26/12/90		Chuyên viên	ĐH	Song Mai, TP Bắc Giang	61.0	58.0	33.0	69.0	56.0	242.0
20	Nguyễn Thị Thủy		17/6/89	Chuyên viên	ThS	Phủ Lý, Hà Nam	64.0	69.0	51.0	76.0	70.0	280.0
2.5	Văn phòng Đoàn Thanh niên											
21	Nguyễn Thị Nga		24/4/93	Chuyên viên	ThS	Yên Thế, Bắc Giang	59.0	60.0	64.0	80.0	79.0	297.0
2.6	Phòng Khảo thí và ĐBCL Đào tạo											
22	Trịnh Thị Huyền		25/6/89	Chuyên viên	ĐH	Nghĩa Hưng, Nam Định	66.0	70.0	Miễn	89.0	80.0	315.0
23	Vũ Thị Phương		17/3/93	Chuyên viên	ĐH	Đáp Cầu, TP.Bắc Ninh	65.0	63.0	39.0	64.0	55.0	239.0
2.7	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học											
24	Nguyễn Ngọc Quang	16/8/91		Chuyên viên	ThS	Tĩnh Gia, Thanh Hóa	75.0	75.0	77.0	86.0	79.0	319.0
2.8	Khoa Kinh tế - Tài chính											
25	Nguyễn Ngọc Thúy		28/6/89	Chuyên viên	ĐH	Việt Yên, Bắc Giang	54.0	66.0	50.0	62.0	83.0	282.0
2.9	Khoa Chăn nuôi - Thú y											
26	Nguyễn Thị Khánh Linh		06/9/94	Chuyên viên	ĐH	Tân Yên, Bắc Giang	61.0	57.0	58.0	50.0	74.5	260.0

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Trình độ	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng điểm
		Nam	Nữ				Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	CM nghiệp vụ chuyên ngành	Thực hành chuyên môn NV	
2.10	Phòng Tổ chức cán bộ											
27	Bùi Thị Thúy		31/12/93	Chuyên viên	ĐH	Kim Bôi, Hòa Bình						
28	Ngô Đăng Tùng	28/12/91		Chuyên viên	ĐH	Việt Yên, Bắc Giang						
2.11	Phòng Đào tạo											
29	Đoàn Trung Đức	22/01/93		Chuyên viên	ĐH	Giao Thủy, Nam Định	72.0	69.0	69.0	79.3	66.0	283.3
30	Trần Thị Ngọc Hà		18/9/92	Chuyên viên	ĐH	Vạn An, TP. Bắc Ninh	59.0	63.0	55.0	72.0	50.8	232.5
31	Nguyễn Như Hưng	29/9/92		Chuyên viên	ĐH	Chương Mỹ, Hà Nội	65.0	72.0	85.0	64.0	62.5	254.0
32	Nguyễn Thị Thơm		16/8/91	Chuyên viên	ĐH	Nam Sách, Hải Dương	52.0	50.0	43.0	67.5	55.0	229.5
2.12	Phòng Hành chính tổng hợp											
33	Nguyễn Đức Vinh	25/9/78		Chuyên viên	ĐH	Tân Yên, Bắc Giang	56.0	59.0	62.0	70.5	63.0	252.5
2.13	Trung tâm Thông tin - Thư viện											
34	Nguyễn Thị Thu		20/11/82	Chuyên viên	ThS	Tân Yên, Bắc Giang	65.0	69.0	50.0	81.0	87.0	320.0
35	Nguyễn Thị Thanh Thủy		28/3/87	Chuyên viên	ThS	TP Bắc Giang	66.0	70.0	Miễn	86.0	89.0	330.0
36	Trần Thị Ngọc Trang		11/10/86	Chuyên viên	ĐH	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	66.0	66.0	75.0	79.0	75.0	295.0
37	Trần Tuấn Lê	06/7/91		Chuyên viên	ĐH	Nga Sơn, Thanh Hóa						
III	Kế toán viên											
3.1	Phòng Tài chính - Kế toán											
38	Lê Phương Anh		16/02/93	Kế toán viên	ĐH	Ngô Quyền, TP Bắc Giang	70.0	63.0	52.0	68.0	72.5	283.0
39	Trần Thu Hà		03/3/94	Kế toán viên	ĐH	Việt Yên, Bắc Giang	51.0	50.0	36.0	44.0	67.5	230.0
40	Vũ Hương Giang		05/10/91	Kế toán viên	ĐH	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	75.0	66.0	67.0	70.0	72.5	290.0
3.2	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và CGCN Nông, Lâm nghiệp											
41	Nguyễn Thu Hà		05/3/90	Kế toán viên	ĐH	Thủy Nguyên, Hải Phòng	53.0	66.0	50.0	71.5	67.5	259.5
IV	Kỹ sư											
4.1	Khoa Chăn nuôi - Thú y											

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Trình độ	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng điểm
		Nam	Nữ				Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	CM nghiệp vụ chuyên ngành	Thực hành chuyên môn NV	
42	Đoàn Thị Thảo		01/3/87	Kỹ sư	ThS	Kim Thành, Hải Dương	65.0	60.0	74.0	88.0	88.8	330.7
43	Trịnh Xuân Đức	14/5/95		Kỹ sư	ĐH	Gia Bình, Bắc Ninh	60.0	53.0	61.0	78.5	86.5	311.5
44	Bùi Thị Thương		21/4/86	Kỹ sư	ĐH	Chí Linh, Hải Dương	58.0	72.0	51.0	74.0	75.2	282.3
4.2	Khoa Tài nguyên và Môi trường											
45	Nguyễn Nhật Hiếu	19/7/92		Kỹ sư	ThS	Đại Phúc, TP Bắc Ninh	Bỏ thi					
46	Trần Thành Long	08/10/93		Kỹ sư	ĐH	Kinh Môn, Hải Dương	64.0	66.0	76.0	85.5	90.0	329.5
4.3	Khoa Lâm nghiệp											
47	Lê Thanh Tuấn	24/8/88		Kỹ sư	ThS	Văn Lâm, Hưng Yên	40.0	50.0	53.0	55.0	66.5	228.0
4.4	Phòng Thiết bị và Đầu tư											
48	Trần Đức Toàn	18/5/91		Kỹ sư	ĐH	Thanh Miện, Hải Dương	63.0	73.0	66.0	76.0	88.0	315.0
4.5	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và CGCN Nông, Lâm nghiệp											
49	Hoàng Văn Đạt	17/3/89		Kỹ sư	ĐH	Lạng Giang, Bắc Giang	52.0	68.0	58.0	51.0	76.1	255.2
50	Đỗ Thị Thảo		12/5/90	Kỹ sư	ĐH	Dĩnh Kế, TP Bắc Giang	58.0	64.0	67.0	65.0	78.6	280.2
51	Nguyễn Thị Thảo		07/02/93	Kỹ sư	ĐH	Kinh Môn, Hải Dương	59.0	53.0	63.0	91.0	78.3	306.6
52	Nguyễn Thị Vân		15/9/93	Kỹ sư	ĐH	Việt Yên, Bắc Giang	51.0	68.0	50.0	38.0	71.0	231.0
4.6	Phòng Hành chính tổng hợp											
53	Hoàng Thanh Điệp	20/11/79		Kỹ sư	ThS	Tân Yên, Bắc Giang	56.0	56.0	51.0	76.0	69.7	271.4
V	Kỹ thuật viên, Cán sự, Y sỹ											
5.1	Phòng Chính trị - Quản lý sinh viên											
54	Nguyễn Thị Nga		03/8/85	Y sỹ	TC	Việt Yên, Bắc Giang	52.0	27.0	41.0	85.0	61.0	259.0
55	Ngô Chung Hiếu	17/8/92		Kỹ thuật viên	TC	Kim Động, Hưng Yên	27.0	23.0	47.0	50.0	73.0	223.0
5.2	Phòng Hành chính tổng hợp											
56	Nguyễn Thị Diệu		10/02/82	Cán sự	CD	Việt Yên, Bắc Giang	63.0	50.0	61.0	74.5	63.0	263.5

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Trình độ	Quê quán	Kết quả thi các môn					Tổng điểm
		Nam	Nữ				Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	CM nghiệp vụ chuyên ngành	Thực hành chuyên môn NV	
57	Dương Ngọc Thái	26/3/84		Kỹ thuật viên	TC	Hồng Thái, Bắc Giang	58.0	60.0	50.0	67.0	70.0	265.0
5.3	Khoa Nông học											
58	Trần Quang Đạo	19/6/84		Trồng trọt	TC	Lập Thạch, Vĩnh Phúc	61.0	51.0	43.0	81.0	82.0	306.0

Danh sách có:

58 người

Bắc Giang, ngày 03 tháng 5 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà